

Bản án số: **251/2017/HS-PT**
Ngày: **28/9/2017**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Vũ Thanh Liêm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Ba, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Đức Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 270/2017/TLPT-HS ngày 01 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo **Kiều Quang K** về tội “*Giết người*”. Do có kháng cáo của đại diện hợp pháp người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

*** Bị cáo bị kháng cáo:** **Kiều Quang K**, sinh năm 1963 tại Tp. Hà Nội. (Tên gọi khác: Kiều Đại T, khai sinh năm 1967).

Nơi đăng ký HKTT: xã T, huyện B, Tp. Hà Nội; Nơi cư trú: xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; con ông Kiều Quang L (đã chết) và bà Phan Thị T (đã chết); có vợ là Đỗ Thị G, sinh năm 1966 và có 02 con đều đã trên 18 tuổi; sau khi phạm tội bỏ trốn kết hôn với chị Lương Thị Thanh H, sinh năm 1972 và có 02 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 15/12/2016 cho đến nay (có mặt).

Người bị hại: Ông Phạm Văn P, sinh năm: 1962 (đã chết)

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại: Bà Vũ Thị G (mẹ đẻ của người bị hại), sinh năm 1934;

Trú tại: xã D, huyện V, tỉnh Thái Bình (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của gia đình người bị hại: Ông Phạm Văn D (em ruột người bị hại), sinh năm 1970; Trú tại: thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị Thanh H, sinh năm 1972; Trú tại: xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Phạm Văn D, đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 1985, Kiều Quang K làm bảo vệ cho Công ty thương nghiệp huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Vào khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 23/8/1990, K cùng các anh: Phạm Văn H, Phạm L và Phan Tuấn Đ uống rượu tại phòng trọ của vợ chồng K thuộc khu tập thể Công ty thương nghiệp huyện C. Sau khi uống rượu xong, K, Đ, H, L cùng nhau đi ra quán gần khu tập thể Công ty thương nghiệp huyện C để uống nước, trên đường đến quán nước thì anh Đ đi về nhà. Khi đến quán nước thấy bên trong có đông người ngồi nên K, H, L không vào quán nước mà quay về phòng trọ của vợ chồng K. Trên đường đi bộ về đến trước nhà Văn hóa huyện C, tỉnh Đắk Lắk thì K, H, L gặp anh Phạm Văn P là cán bộ Phòng lao động thương binh xã hội huyện C và anh Trần L mỗi người đi 01 xe đạp tới. Khi đi đến chỗ K, H, L thì tay lái ghi đông xe đạp của anh P tông trúng tay phải K, nên K nói với anh P “mày đi kiểu gì vậy”, lúc này anh P đã đạp xe đi qua chỗ K, nghe vậy anh P xuống xe rồi có lời qua tiếng lại dẫn đến xô xát đánh nhau, anh P dùng tay đâm vào mặt K thì bị K lấy 01 con dao tự chế (lưỡi dao nạo gỗ của thợ mộc) để trong túi quần ra đâm nhiều nhất trúng người anh P. Anh P bị đâm, ngã xuống đường thì được mọi người đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk để điều trị, đến ngày 07/9/1990 thì anh P tử vong.

Tại bản kết luận giám định Pháp y tử thi số 202/PY-T.Th, ngày 26/4/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Nguyên nhân tử vong của anh Phạm Văn P là do choáng nhiễm trùng, nhiễm độc sau mổ, khâu vết thương thủng gan và vết thương sọ não.

Đối với hung khí mà K dùng đâm anh P, theo như K khai nhận đó là loại dao tự chế, được làm từ một miếng kim loại mỏng, đẹp, dài 20cm, rộng 2cm. Dao được mài nhọn 02 đầu, có một cạnh sắc, không có cán dùng cho thợ mộc. Sau khi gây án, K mang theo dao rồi vứt bỏ dao trên đường bỏ trốn sang tỉnh Lâm Đồng. Vì thời gian xảy ra vụ án đã lâu nên K không nhớ được vị trí đã vứt bỏ dao nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để truy tìm con dao này được.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Kiều Quang K bỏ trốn sang tỉnh Lâm Đồng rồi làm sổ hộ khẩu mới mang tên Kiều Đại T và kết hôn với chị Lương Thị Thanh H, có 02 con chung và sinh sống tại xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Đến ngày 15/12/2016, K bị bắt theo Quyết định truy nã số 49 ngày 21/9/1990 của Phòng Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 29/2017/HSST ngày 25/7/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Tuyên bố: Kiều Quang K (Tên gọi khác: Kiều Đại T) phạm “Tội giết người”.

Áp dụng khoản 2 Điều 101; điểm a, h khoản 1, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 1985; khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự năm 1985; điểm b, khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 và điểm a, khoản 4, Điều 1 Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015; phạt bị cáo Kiều Quang K 06 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 15 tháng 12 năm 2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 31/7/2017, đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp người bị hại ông Phạm Văn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của đại diện hợp pháp của người bị hại giữ nguyên kháng cáo cho rằng trong vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, việc anh Phạm Văn P bị nhiều người tham gia đánh chết chứ không phải mỗi bị cáo Kiều Quang K. Hành vi của bị cáo K có tính chất côn đồ nhưng cấp sơ thẩm xử phạt mức án 06 năm tù là quá nhẹ, không tương xứng, không đúng pháp luật và yêu cầu tăng về bồi thường dân sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên toà như sau:

Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tính chất hành vi phạm tội, hậu quả của tội phạm và quá trình tố tụng đối với vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Kiều Quang K và điều chỉnh lại mức bồi thường bù đắp về tổn thất tinh thần do cấp sơ thẩm tính toán không chính xác, 60 tháng lương tối thiểu x 1.300.000 đồng, tương ứng số tiền là 78.000.000 đồng, chứ không phải là 65.000.000 đồng như bản

án sơ thẩm đã xử. Đối với việc kháng cáo cho rằng vụ án có bỏ lọt tội phạm là không có căn cứ, nên đề nghị không chấp nhận nội dung này.

Lời trình bày và bào chữa của bị cáo tại phiên toà như sau:

Hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, sau khi bị bắt, bị cáo đã ăn năn hối cải và thành khẩn khai báo đồng thời đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình người bị hại 60.000.000 đồng. Xin Hội đồng xét xử giữ nguyên hình phạt mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo.

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, lời bào chữa của luật sư, bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên toà phúc thẩm bị cáo Kiều Quang K (tức Kiều Đại T) đã khai nhận vào khoảng 21h30' ngày 23/8/1990 do mâu thuẫn với anh Phạm Văn P, xuất phát từ việc va chạm xe đạp, anh P đã đánh bị cáo nên bị cáo đã có hành vi dùng dao tự chế đâm nhiều nhát vào người anh P làm cho anh P bị thương nặng, được mọi người đưa đi cứu chữa. Đến ngày 07/9/1990 thì anh P tử vong.

Bản án sơ thẩm đã áp dụng khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự, tuyên xử bị cáo Kiều Quang K về tội “Giết người” là có căn cứ pháp luật.

Xét kháng cáo của anh D về nội dung vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng: Xem xét lời khai của những người làm chứng có mặt tại hiện trường lúc xảy ra vụ án như Phạm L, Phạm Văn H, Phạm Tiến Đ và Phạm Văn L (người cùng đi với anh P) đều thể hiện chỉ có mỗi bị cáo Kiều Quang K đánh anh P, sau khi anh P bị thương, Phạm Văn H còn bật máy lửa soi để kiểm tra cơ thể của anh P và bảo anh Lý đưa anh P đi cấp cứu.

Như vậy, trong vụ án này chỉ có một mình Kiều Quang K đánh đâm gây ra cái chết cho anh P, không có căn cứ cho rằng vụ án có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo này của anh Phạm Văn D.

Xét kháng cáo yêu cầu tăng mức hình phạt đối với bị cáo Kiều Quang K, Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi phạm tội, Kiều Quang K đã bỏ trốn lên Lâm Đồng thay đổi họ tên, cản trở việc điều tra cho đến ngày 15/12/2016 K mới bị bắt theo lệnh truy nã. Với tính chất hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án là rất nghiêm trọng nhưng cấp sơ thẩm chỉ xử phạt bị cáo với mức án 06 năm tù là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội và hậu quả của tội phạm.

Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy cần chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của người bị hại, tăng hình phạt đối với bị cáo Kiều Quang K. Tuy nhiên, xét bị cáo có phần nhân thân tốt, sau khi bị bắt đã thành khẩn khai báo, tác động gia đình bồi thường 60.000.000 đồng cho gia đình người bị hại, gia đình bị cáo là gia đình có công với Cách mạng, các tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại các điểm a, h khoản 1 và khoản 2 Điều 36 Bộ luật hình sự năm 1985 (nay là các điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999). Vì vậy Hội đồng xét xử xem xét tăng mức hình phạt phù hợp, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, đồng thời đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

Đối với kháng cáo yêu cầu tăng mức bồi thường tiền bù đắp tổn thất tinh thần lên 100 tháng lương tối thiểu, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy rằng tại cấp sơ thẩm đã xem xét tính chất lỗi của hai bên và đã buộc bị cáo bồi thường 60.000.000 đồng về khoản chi phí cứu chữa, mai táng đồng thời cũng đã buộc bị cáo bồi thường một khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần tương ứng 60 tháng lương tối thiểu là tương xứng và đúng pháp luật. Mặt khác, sau khi xét xử sơ thẩm ngày 08/6/2017 anh D cũng đã viết đơn bãi nại, cam kết không khiếu nại gì về bồi thường dân sự và xin giảm hình phạt cho bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo yêu cầu tăng khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần của bên bị hại.

Tuy nhiên, do cấp sơ thẩm đã tính toán sai số tiền bù đắp tổn thất tinh thần trong Bản án sơ thẩm ($1.300.000\text{đồng} \times 60 \text{ tháng} = 65.000.000\text{đồng}$ là không đúng). Số tiền đúng phải là 78.000.000 đồng. Do vậy, để tránh thiệt thòi cho gia đình người bị hại Hội đồng xét xử sửa lại nội dung do cấp sơ thẩm tính toán sai, buộc bị cáo tiếp tục bồi thường khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho gia đình người bị hại 60 tháng lương tối thiểu tương ứng với số tiền 78.000.000 đồng mới đúng.

Do sửa bản án sơ thẩm điều chỉnh mức tiền bồi thường nên cần sửa lại mức án phí dân sự mà bị cáo phải chịu theo đúng quy định pháp luật về án phí.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Phạm Văn D đại diện theo uỷ quyền của người đại diện hợp pháp của người bị hại. Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với bị cáo Kiều Quang K. Không chấp nhận kháng cáo đối với nội dung bỏ lọt tội phạm và tăng mức tiền bồi thường thiệt hại.

Áp dụng khoản 2 Điều 101 điểm a, h khoản 1, khoản 2 Điều 38 Bộ luật hình sự 1985, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/06/2017 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo **08 (Tám)** năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 15/12/2016.

Về bồi thường thiệt hại: Áp dụng Điều 564, 591 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Xử buộc bị cáo bồi thường 78.000.000 đồng về khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần cho bà Vũ Thị G (ngoài khoản tiền đã bồi thường 60.000.000 đã bồi thường).

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 3.900.000 đồng án phí dân sự. Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi